

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **129/2025/HS-PT**

Ngày: 06 – 6 – 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hằng, ông Nguyễn Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 112/2025/TLPT-HS ngày 14 tháng 4 năm 2025. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu K, kháng cáo của bị hại Lê Đình Đ2 và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Ngọc H2 đối với Bản án số 04/2025/HS-ST ngày 20/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2025/QĐXXPT-HS ngày 22 tháng 5 năm 2025, đối với:

1. Bị cáo: Nguyễn Hữu K (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1995, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn 10, xã E1, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Đầu bếp; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu H1 (sinh năm 1971) và bà Bùi Thị L1 (sinh năm 1976); Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Anh T1 (sinh năm 2005) và chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện nay, bị cáo đang tại ngoại. (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Hoàng Hải P, sinh năm 1988 (vắng mặt) và Luật sư Bùi Văn Đ1, sinh năm 1994 (có mặt) – thuộc Công ty luật TNHH T, Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh; Cùng địa chỉ: Tầng 2, số 47 N, phường 12, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị hại: Ông Lê Đình Đ2, sinh năm 1982 (có mặt); Địa chỉ: Thôn 14, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Đàm Quốc C (có mặt) – thuộc Công ty Luật TNHH C, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Số 17 Y B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đỗ Xuân T2, sinh năm 1992 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

3.2. Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 2001 (có mặt); Địa chỉ: Thôn 6, xã E1, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

3.3. Ông Bùi Ngọc H2, sinh năm 1991 (có mặt); Địa chỉ: Thôn 13, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bùi Ngọc H3: Luật sư Đàm Quốc C (có mặt) – thuộc Công ty Luật TNHH C, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Số 17 Y B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Trần Văn T3, sinh năm 1990 (vắng mặt); Địa chỉ: Thôn E2, xã E3, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

4.2. Ông Đào Xuân H3, sinh năm 1990 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); Địa chỉ: Thôn 15, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

4.3. Bà Nguyễn Thị Vân H4, sinh năm 1991 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); Địa chỉ: Thôn 15, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

4.4. Bà Đào Thị Uyên, sinh năm 2002 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); Địa chỉ: Thôn 15, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

4.5. Ông Nguyễn Anh L2, sinh năm 1989 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); Địa chỉ: Thôn 15, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

4.6. Ông Hà Duy K1, sinh năm 1989 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); Địa chỉ: Thôn 15, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

4.7. Ông Lê Phan Tấn L3, sinh năm 1990 (vắng mặt); Địa chỉ: Thôn 15, xã E3, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

4.8. Ông Lê Phan Tấn L4, sinh năm 1990 (vắng mặt); Địa chỉ: Thôn 13, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người kháng cáo:** Bị cáo Nguyễn Hữu K, bị hại Lê Đình Đ2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Ngọc H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu K là nhân viên quán L tại thôn 15, xã T, huyện B do ông Đỗ Xuân T2 làm chủ quán. Khoảng 23 giờ ngày 20/4/2024, ông Bùi Ngọc H2, ông Lê Đình Đ2 và ông Trần Văn T3 đến quán thịt dê M thuộc thôn 15, xã T, huyện B để ăn nhậu. Sau khi ăn nhậu xong thì cả ba đi đến quán cà phê K tại thôn 15, xã T, huyện B để uống cà phê nhưng quán đã đóng cửa. Thời điểm này ông Đào Xuân H3 (chủ quán cà phê K) và vợ là bà Nguyễn Thị Vân H4 đang ngồi ăn nhậu tại vỉa hè trước quán Lộc Vùng (bên cạnh quán cà phê K) cùng một số người khác gồm: Nguyễn Hữu K, ông Đỗ Xuân T2, bà Đoàn Thị U và ông Nguyễn Thanh V. Thấy ông H3 đang ngồi nhậu thì ông H2 đi sang quán K hỏi mua thuốc lá nhưng vì đã muộn ông H3 không bán nên hai bên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi.

Ông H2 lớn tiếng chửi ông H3 và những người có mặt tại bàn nhậu. Thấy ông H2 có biểu hiện say rượu nên ông T2 đứng ra can ngăn, khuyên ông H2 đi về và dùng tay đẩy từ từ ông H2 ra ngoài nhưng bị ông H2 dùng tay đánh 01 cái vào vùng mặt. Thấy ông T2 bị đánh thì K và ông V đến can ngăn ông H2, nhưng ông H2 không nghe nên giữa K, ông V và ông H2 xảy ra mâu thuẫn đánh nhau qua lại. K và ông V bị ông H2 đánh nên cả hai dùng tay đánh lại nhiều cái vào vùng mặt và người của ông H2, bị đau nên ông H2 đưa tay lên ôm phần đầu, cùng lúc này ông Đ2 thấy ông H2 bị đánh nên đã tháo mũ bảo hiểm và đi tới can ngăn, quá trình can ngăn thì mũ bảo hiểm của ông Đ2 đập trúng tay của K, do bị đau nên K dùng tay phải đánh 02 cái vào vùng đầu của ông Đ2 khiến ông Đ2 bị đau và bỏ chạy về hướng quán cà phê L, quá trình bỏ chạy ông Đ2 bị vấp ngã. Hậu quả, ông Đ2 và ông H2 bị thương tích phải điều trị tại Trung tâm Y tế huyện B.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 1098/KL-KTHS, ngày 14/6/2024 của Phân viện khoa học hình sự (KHHS) tại thành phố Đà Nẵng, kết luận ông Lê Đình Đ2 bị gãy đầu dưới xương quay trái, can tốt, không ảnh hưởng vận động, tỷ lệ 06%; gãy mỏm trám trụ, đang can, không ảnh hưởng vận động, tỷ lệ 06%; thủng màng nhĩ trái đã liền, tai trái nghe kém tiếp nhận mức độ nặng, tỷ lệ 11%. Áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Lê Đình Đ2 tại thời điểm giám định là: 21%. Cơ chế hình thành thương tích: Các tổn thương: Sưng nề vùng mặt, hông trái do vật tày, cứng gây nên. Tổn thương gãy đầu dưới xương

quay và mồm trâm trụ trái do khi ngã bàn tay chống xuống đất ở tư thế duỗi quá mức gây nên; tổn thương thủng màng nhĩ trái do vật tày tác động vào vùng tai trái (tát, đánh...) làm thay đổi áp suất trong ống tai ngoài gây nên.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 385/KLTTCT-PY ngày 07/5/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận ông Bùi Ngọc H2 bị vết thương để lại sẹo nằm chéo vùng cằm trái, bờ nhám nhỏ, kích thước (2x0,2)cm, tỷ lệ 03%. Chấn thương phần mềm: Sưng nề, trầy xước nhẹ vùng thái dương trái; bầm mắt phải, mắt trái, vành tai trái tại thời điểm giám định đã lành không để lại sẹo và không làm biến đổi sắc tố da, tỷ lệ 0%. Vật tác động: Vật tày, cứng và vật tày, cứng, có cạnh.

Tại Bản án sơ thẩm số 04/2025/HS-ST ngày 20/02/2025 của TAND huyện Buôn Đôn, đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu K phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu K 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu K phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại ông Lê Đình Đ2 tổng số tiền 34.375.000 đồng, được khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường. Bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 29.375.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu K phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Bùi Ngọc H2 tổng số tiền 19.873.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**** Kháng cáo:***

- Bị cáo Nguyễn Hữu K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ và giảm mức bồi thường.

- Bị hại Lê Đình Đ2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Ngọc H2 kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm tăng số tiền bồi thường thiệt hại đối với bị cáo và đề nghị xem xét hành vi của ông Đỗ Xuân T2, ông Nguyễn Thanh V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin rút một phần kháng cáo về mức bồi thường thiệt hại. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Lê Đình Đ2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Ngọc H2.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu K về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo Nguyễn Hữu K 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Cố ý gây thương tích*”, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng.

+ Đình chỉ một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu K về mức bồi thường thiệt hại.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu K – Luật sư Bùi Văn Đ1 tranh luận:** Sự việc xảy ra có một phần lỗi do bị hại Đ2 khi vào can ngăn nhưng lại cầm mũ bảo hiểm trên tay, dẫn đến mũ bảo hiểm đập vào tay bị cáo K làm bị cáo K bị đau và nghĩ rằng ông Đ2 đánh K. Sau khi xảy ra sự việc, bị cáo K đã đến đầu thú tại cơ quan Công an và cùng gia đình đến thăm hỏi bị hại. Sau khi xét xử bị cáo vẫn tiếp tục bồi thường cho bị hại Đ2 và anh H2. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo K nộp bổ sung các giấy tờ xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố bị bệnh nặng và bị cáo có ông ngoại là thương binh được Nhà nước trợ cấp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo để được lao động và tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho ông Đ2, ông H2; đồng thời cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo cơ hội được sửa chữa sai lầm của mình, trở thành người có ích cho xã hội.

*** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Lê Đình Đ2 và anh Bùi Ngọc H2 – Luật sư Đàm Quốc C tranh luận:** Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cấp sơ thẩm điều tra bổ sung, làm rõ hành vi cố ý gây thương tích của ông Đỗ Xuân T2 và ông Nguyễn Thanh V đối với bị hại Đ2 và ông H2 nhằm tránh bỏ lọt tội phạm; Đồng thời, cần trưng cầu giám định lại đối với tổn thương ở mắt của ông H2; xác định vật tày trong Kết luận giám định tổn thương trên cơ thể của ông Đ2 là vật gì? Ai là người sử dụng vật tày này để gây thương tích cho bị hại Đ2? Ngoài ra, cũng cần tăng mức bồi thường thiệt hại cho phù hợp với thực tế đối với các thương tích của ông Đ2 và

ông H2.

Ông Lê Đình Đ2 và ông Bùi Ngọc H2 đồng ý với quan điểm tranh luận của Luật sư Đàm Quốc Chính và không bổ sung gì thêm.

Bị cáo không tranh luận gì thêm, ở lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu K đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào tối ngày 20/4/2024, tại quán nhậu Lộc Vũng thuộc thôn 15, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Hữu K đã có hành vi dùng tay đánh vào vùng đầu của ông Lê Đình Đ2 gây thương tích, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 11%.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Hữu K về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[1] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Ngọc H2 cho rằng ông Đỗ Xuân T2 và ông Nguyễn Thanh V đã có hành vi gây thương tích cho ông H2, thì thấy:

Mặc dù, bị cáo K và V đều thừa nhận có đánh ông H2 nhưng xét thấy nguyên nhân việc ông H2 bị đánh là do ông H2 có những lời lẽ xúc phạm người khác, bao gồm bị cáo K, ông T2, ông H3, ông V. Khi K, V ra can ngăn để H2 không đánh ông T2 nữa thì H2 đánh cả K và V. Như vậy, hành vi của K và V là tức thời do bức xúc, không có sự bàn bạc, thống nhất từ trước và cũng không thuộc trường hợp “*dùng hung khí nguy hiểm*”, “*có tổ chức*” hoặc “*có tính chất côn đồ*” theo quy định tại các điểm a, đ và i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, việc anh H2 bị thương tích với tỷ lệ 3% là chưa đủ các yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” để xử lý đối với hành vi của ông V.

Về tổn thương ở mắt của ông H2, tại Công văn số 183/CV-TTPY ngày 06/6/2024 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk thể hiện đây là bệnh lý về mắt và không có cơ sở để xác định đây là các chấn thương xảy ra ngày 20/4/2024 nên không chấp nhận yêu cầu giám định lại của ông H2.

[2] Xét kháng cáo của bị hại ông Lê Đình Đ2 cho rằng ông T2 và ông V có tham gia đánh ông Đ2, thì thấy:

Tại bút lục số 154, ông Đ2 khai *“tôi không nhớ rõ nhưng hình như là cây gậy chất liệu gì do trời tối tôi không nhìn thấy”*. Tại bút lục số 156, ông Đ2 lại khai *“T2 cầm vật cứng bằng tay phải, dùng đập vật cứng này từ trên xuống trên người tôi nhưng tôi đang ngồi dưới đất nên chỉ kịp đưa tay trái lên đỡ, sau khi bị T2 đập trúng thì tôi bị gãy tay trái”*. Tại bút lục số 353, ông Đ2 khai tiếp *“vết thương ở tay tôi là do T2 vào quán đi ra, dùng vật gì đánh tôi với tốc độ nhanh, T2 để vật gì sau lưng nên tôi không thấy rõ”*. Như vậy, việc ông Đ2 cho rằng ông T2 dùng hung khí đánh ông Đ2 gãy tay (tổn thương cơ thể 10%) nhưng lời khai của ông Đ2 là không thống nhất, có mâu thuẫn với nhau, lúc thì xác định hung khí là cây gậy, lúc thì khai không thấy rõ. Ngoài ra, những người làm chứng là anh Hà Huy K1, anh Nguyễn Văn L2 (là những người cũng ngồi ăn nhậu cách vị trí ẩu đã khoảng 5m) đều khai rằng anh K1, anh L2 đã chứng kiến là ông Đ2 bỏ chạy và tự ngã. Lời khai của những người làm chứng này là phù hợp với kết luận giám định pháp y số 1098 thể hiện *“tổn thương gãy đầu dưới xương quay và mỏm trâm trụ trái do khi ngã bàn tay chống xuống đất ở tư thế duỗi quá mức gây nên”*. Như vậy, chưa có đủ cơ sở xác định ông T2 dùng hung khí đánh ông Đ2 khiến ông Đ2 bị gãy tay trái. Tuy nhiên, nếu sau này có đủ căn cứ thì ông Đ2 có quyền làm đơn đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra khởi tố theo quy định của pháp luật.

Đối với kháng cáo của ông Đ2 cho rằng ông V có hành vi đánh ông Đ2 thì thấy: Xuyên suốt các lần lấy lời khai, ông V chỉ thừa nhận có đâm ông H2, không đánh ông Đ2. Điều này là phù hợp với lời khai của bị cáo K về việc chỉ có một mình K đánh ông Đ2. Ông Đ2 cho rằng bị cáo K nhận tội thay cho ông V và ông T2 nhưng không chứng minh được điều này. Hơn nữa, bị cáo K, ông V và ông T2 chỉ có mối quan hệ là đồng nghiệp, không phải là anh em ruột thịt hay họ hàng thân thích để khiến cho bị cáo K phải một mình chịu trách nhiệm thay cho ông V. Do đó, không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị hại Lê Đình Đ2.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Hữu K, thì thấy:

Toà án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo K 01 năm 03 tháng tù là thoả đáng. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo K là người có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi xảy ra vụ việc, bị cáo đã đến thăm hỏi, bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng và tiếp tục

bồi thường cho ông Đ2 số tiền 10.000.000 đồng và ông H2 số tiền 5.000.000 đồng ở cấp phúc thẩm. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo K đồng ý bồi thường thêm cho bị hại Đ2 và ông H2 mỗi người 5.000.000 đồng. Quá trình sinh sống tại địa phương, bố bị cáo là ông Nguyễn Hữu H1 có nhiều đóng góp cho cộng đồng; ông ngoại của bị cáo là ông Bùi Văn T4 là thương binh, được hưởng chế độ trợ cấp của Nhà nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, vụ việc xảy ra cũng do một phần lỗi của ông H2 và thương tích của bị hại Đ2 chỉ là 11%. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về kháng cáo đối với mức bồi thường thiệt hại:

Xét thấy Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các chi phí hợp lý theo yêu cầu của bị hại Đ2 và ông H2 trên cơ sở các quy định của pháp luật. Tại cấp sơ thẩm, ông Đ2 và ông H2 không cung cấp thêm các tài liệu nào khác để chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo đề nghị tăng mức hình bồi thường thiệt hại của ông Đ2 và ông H2.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại và các chi phí hợp lý được bồi thường cụ thể như sau:

[4.1] Các khoản chi phí hợp lý mà bị cáo K phải bồi thường cho ông Đ2 gồm:

- Tiền thuê xe đi và về (Thôn 14, xã T, huyện B - Trung tâm y tế huyện B): 02 lượt x 200.000 đồng/01 lượt = 400.000 đồng.

- Tiền thuê xe khám bệnh, điều trị (Thôn 14, xã T, huyện B – Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên): 02 lượt x 600.000 đồng/01 lượt = 1.200.000 đồng.

- Tiền viện phí ngoại trú có hóa đơn: 38.700 đồng + 97.000 đồng = 135.700 đồng;

- Tiền thu nhập thực tế bị mất của bị hại và người chăm sóc bị hại từ ngày 21/4/2024 đến ngày 26/4/2024 = 06 ngày x 300.000 đồng/ngày/02 người (Mức thu nhập trung bình của lao động tại địa phương) = 3.600.000 đồng.

- Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 15.000.000 đồng.

- Tiền tổn thất tinh thần: 06 tháng lương tối thiểu x 2.340.000 đồng = 14.040.000 đồng.

Tổng cộng: 34.375.000 đồng.

Tại phiên toà, bị cáo K đồng ý bồi thường thêm cho bị hại Đ2 số tiền 5.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo Nguyễn Hữu K phải có trách nhiệm bồi thường

cho bị hại ông Lê Đình Đ2 tổng số tiền 39.375.000 đồng, được khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường (do bị cáo nộp theo các Biên lai thu số 0001162 ngày 08/11/2024 và số 0001197 ngày 04/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B). Như vậy, bị cáo K còn phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Đình Đ2 số tiền 24.375.000 đồng.

[4.2] Các khoản chi phí hợp lý được chấp nhận để bồi thường thiệt hại cho ông Bùi Ngọc H2 gồm:

- Chi phí điều trị (có hóa đơn, chứng từ):
- + Chi phí điều trị tại Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên: 951.458 đồng.
- + Chi phí điều trị tại Bệnh viện Đại học Y dược Buôn Ma Thuột: 20.000 đồng.
- + Chi phí điều trị tại Bệnh viện mắt Đăk Lăk: 782.400 đồng.
- Tiền thuê xe thực tế đến các cơ sở điều trị: 2.500.000 đồng.
- Tiền thu nhập thực tế bị mất của ông Bùi Ngọc H2 và người chăm sóc từ ngày 21/4/2024 đến ngày 26/4/2024 = 06 ngày x 300.000 đồng/ngày/02 người (Mức thu nhập trung bình của lao động tại địa phương) = 3.600.000 đồng.
- Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 5.000.000 đồng.
- Tiền tổn thất tinh thần: 03 tháng lương tối thiểu x 2.340.000 đồng = 7.020.000 đồng.

Tổng cộng: 19.873.000 đồng.

Tại phiên toà, bị cáo K đồng ý bồi thường thêm cho ông H2 số tiền 5.000.000 đồng. Như vậy, buộc bị cáo Nguyễn Hữu K phải có trách nhiệm bồi thường cho ông H2 tổng số tiền 24.873.000 đồng, được khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường (do bị cáo nộp theo Biên lai số 0001197 ngày 04/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B). Như vậy, bị cáo K còn phải bồi thường cho ông H2 số tiền 19.873.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, ông V đều thừa nhận có cùng bị cáo K đánh ông H2 nhưng Toà án cấp sơ thẩm chỉ buộc bị cáo K có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông H2 là chưa phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm, ông V đồng ý bồi thường cho ông H2 số tiền 5.000.000 đồng. Đồng thời, bị cáo K và ông V đã thoả thuận với nhau nội dung bị cáo K sẽ bồi thường toàn bộ cho ông H2. Sau này, giữa bị cáo K và ông V sẽ tự giải quyết với nhau đối với số tiền 5.000.000 đồng mà ông V đồng ý bồi thường cho ông H2. Do đó, cần sửa một phần bản án sơ thẩm về mức bồi thường

thiệt hại và tuyên buộc bị cáo K phải bồi thường cho ông H2 tổng cộng là 24.873.000 đồng.

[4.3] Đối với nội dung kháng cáo của bị cáo K về giảm số tiền bồi thường: Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo đã rút yêu cầu kháng cáo này nên Hội đồng xét xử không xem xét và đình chỉ xét xử.

[5] Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu K về hình phạt, chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Ngọc H2 và kháng cáo của bị hại Lê Đình Đ2.

[6] Về án phí dân sự:

Bị cáo Nguyễn Hữu K phải chịu (24.873.000 đồng + 24.375.000 đồng) x 5% = 2.462.000 đồng (đã làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Về án phí hình sự:

- Bị cáo Nguyễn Hữu K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị hại Lê Đình Đ2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Ngọc H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 342, điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu K về biện pháp chấp hành hình phạt;

- Đình chỉ xét xử một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu K về trách nhiệm dân sự;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Lê Đình Đ2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Ngọc H2 về phần trách nhiệm dân sự.

- Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 04/2025/HS-ST ngày 20/02/2025 của Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn về biện pháp chấp hành hình phạt và phần trách nhiệm dân sự.

Tuyên xử:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu K phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu K 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu K cho Ủy ban nhân dân xã E1, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 2 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 590 Bộ luật Dân sự:

[2.1] Buộc bị cáo Nguyễn Hữu K phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Lê Đình Đ2 số tiền 24.375.000 đồng (hai mươi tư triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);

Ông Lê Đình Đ2 có quyền liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện B để được nhận số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) do bị cáo Nguyễn Hữu K đã nộp theo các Biên lai thu số 0001162 ngày 08/11/2024 và số 0001197 ngày 04/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

[2.2] Buộc bị cáo Nguyễn Hữu K phải tiếp tục bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Ngọc H2 số tiền 24.873.000 đồng (hai mươi tư triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng);

Ông Bùi Ngọc H2 có quyền liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện B để được nhận số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) do bị cáo Nguyễn Hữu K đã nộp theo Biên lai số 0001197 ngày 04/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự:

Bị cáo Nguyễn Hữu K phải chịu 2.462.000 đồng (hai triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí hình sự:

- Bị cáo Nguyễn Hữu K phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị hại Lê Đình Đ2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Ngọc H2 không phải chịu án phí hình sự.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Buôn Đôn;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo;
- Người TGTĐ khác;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Y Phi Kbuôr